

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: 061 3511 138

Fax: 061 3512 498

Website: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com)

Email: [contact@wonderfarmonline.com](mailto:contact@wonderfarmonline.com)

# THÔNG TIN TÓM TẮT TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600245631 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/11/1991 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 21/01/2016)*



Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ**

Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: 061 3511 138

Fax: 061 3512 498

Website: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com)

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Tầng 1-2-3-4-5, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Tel: 08 6299 2006

Fax: 08 6291 7986

Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Bà: Lê Thị Mỹ Phương

Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: 061 3511 138

Fax: 061 3512 498

Website: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com)

## MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM .....	3
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....	4
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	4
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	9
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	10
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông: .....	11
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đăng ký giao dịch, những Công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đăng ký giao dịch .....	12
6.	Hoạt động kinh doanh .....	13
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014, 2015 và 6 tháng 2016 .	16
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	19
9.	Chính sách đối với người lao động .....	20
10.	Chính sách cổ tức .....	21
11.	Tình hình tài chính .....	22
12.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty) .....	25
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	26
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đăng ký giao dịch ..	27
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....	27
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....	28
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	29
1.	Hội đồng quản trị .....	29
2.	Ban kiểm soát .....	33
3.	Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý .....	35
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty .....	38
IV.	PHỤ LỤC .....	38




## I. CÁC KHÁI NIỆM

<b>TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Interfood, IFS, Tổ chức đăng ký giao dịch	Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
Giấy CN ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ</b>
Tên tiếng Anh:	<b>INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY</b>
Tên viết tắt:	<b>INTERFOOD</b>
Logo:	 <b>INTERFOOD</b>
Người đại diện pháp luật:	Ông Toru Yamasaki – Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Trụ sở chính:	Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai
Số điện thoại:	(061) 351 1138
Số fax:	(061) 351 2498
Email:	contact@wonderfarmonline.com
Website:	www.wonderfarmonline.com
Vốn điều lệ đăng ký:	<b>871.409.920.000 đồng</b>
Vốn điều lệ thực góp:	<b>871.409.920.000 đồng</b>
Ngày trở thành CTĐC:	Ngày 29/09/2006
Giấy CN ĐKDN:	Số 3600245631 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 16/11/1991; đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 21/01/2016.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- + Sản xuất đồ uống không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%), nước khoáng;
- + Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- + Sản xuất các loại bánh từ bột;
- + Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- + Chế biến và bảo quản rau quả;
- + Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- + Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- + Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- + Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- + Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.



## 1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thực phẩm Quốc tế
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Mã chứng khoán: IFS
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 87.140.984 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 871.409.840.000 đồng
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định: 16.000.000 cổ phiếu (Trong năm 2015, Interfood đã chào bán riêng lẻ 16.000.000 cổ phiếu cho Kirin Holding Singapore Pte. Ltd., thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 30/12/2015 đến ngày 30/12/2016).
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ tài chính quy định về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tại thời điểm 11/03/2016, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 99,39%.

## 1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

**1991** Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế ("IFPI") – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn thuộc sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

**1994** Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh bích qui.

**2003** Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

**2004** Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

**2005** Tháng 1/2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, Interfood được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế ("Interfood") theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Interfood là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

**2006** Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng. Ngày 17/10/2006, Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ("HOSE"), mã chứng khoán: IFS

**2007** Ngày 16/10/2007, Công ty phát hành cổ phiếu thường theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng. Năm 2007, Interfood mua lại 90% vốn góp tại CTCP Thực phẩm AVA ("AVA") (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.

**2009** Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.



**2011** Ngày 11/3/2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần Interfood. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực Châu Á, được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

**2012** Tháng 6/2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong Interfood lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.

Tháng 12/2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH.

**2013** Ngày 3/5/2013, Interfood chính thức hủy niêm yết tại sàn HOSE theo Quyết định số 118/2013/QĐ-SGDHCM ngày 3/4/2013 của SGDCK TP.HCM, do tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp trong năm 2012.

Tháng 11/2013, Interfood tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng, thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Interfood lên 92,46%.

**2014** Năm 2014, Interfood tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng, thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.

**2015** Năm 2015, Interfood tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng, thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”).

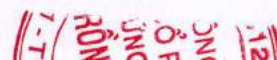
Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại Interfood cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần Interfood, tương đương 95,66% vốn cổ phần của Interfood.

**1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

Kể từ ngày trở thành Công ty cổ phần, Interfood đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

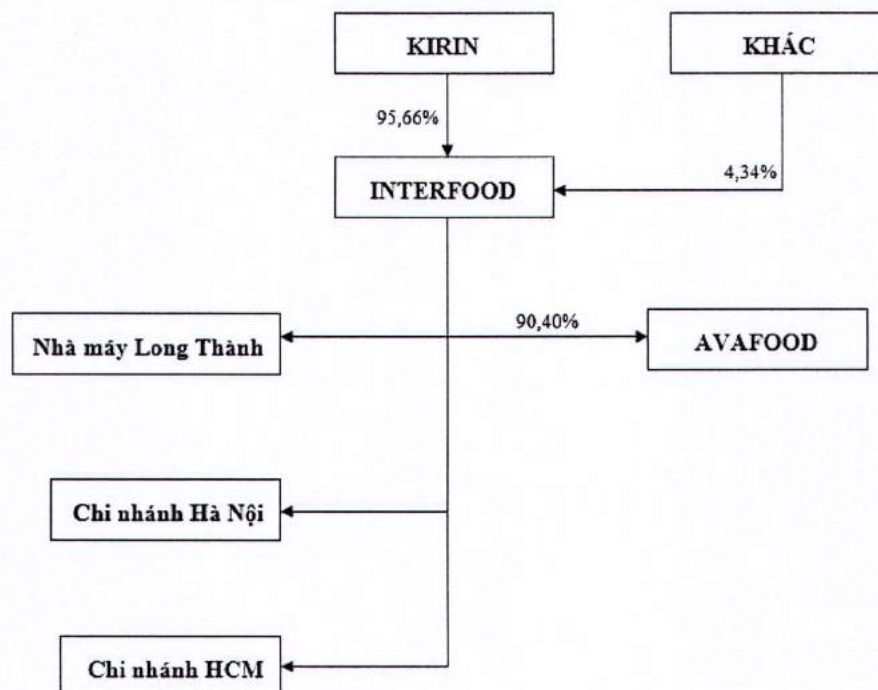
Thời điểm	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Phương thức phát hành	Cơ sở thực hiện
08/2005	VĐL tại thời điểm 206.336.000.000 đồng	cổ phần hoá	Chuyển đổi từ Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế thành CTCP Thực phẩm Quốc tế theo Công văn 6286/BKH-DTNN ngày 04/10/2004 của Bộ KH&ĐT.	
2006	36.505.600.000 đồng	242.841.600.000 đồng	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NQ ĐHĐCĐ số EGM060301 ngày 17/03/2006;</li> <li>- CV chấp thuận phát hành số 30/UBCK-ĐKPH ngày 12/05/2006;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 24/07/2006;</li> <li>- Giấy phép đầu tư số 270/CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23/8/2006.</li> </ul>
10/2007	48.568.320.000 đồng	291.409.920.000 đồng	Phát hành cổ phiếu thường theo tỷ lệ 5:1 cho cổ đông hiện hữu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NQ ĐHĐCĐ TN năm 2007 ngày 25/4/2007;</li> <li>- CV chấp thuận phát hành số 936/UBCK-QLPH ngày 27/6/2007;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 16/10/2007;</li> <li>- Giấy CN đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28/11/2007.</li> </ul>
11/2013	210.000.000.000 đồng	501.409.920.000 đồng	Chào bán riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NQ ĐHĐCĐ số EGM-20130-1 ngày 10/9/2013;</li> <li>- CV chấp thuận phát hành số 7215/UBCK-QLPH ngày 1/11/2013;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 2/12/2013;</li> <li>- Giấy CN đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14/05/2014.</li> </ul>
2014	210.000.000.000 đồng	711.409.920.000 đồng	Chào bán riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NQ ĐHĐCĐ số AGM-2014 ngày 10/4/2014;</li> <li>- CV chấp thuận phát hành số 6289/UBCK-QLPH ngày 10/11/2014;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 22/12/2014;</li> <li>- Giấy CN đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30/12/2015.</li> </ul>
2015	160.000.000.000 đồng	871.409.920.000 đồng	Chào bán riêng lẻ cho Kirin Holding Singapore Pte. Ltd.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NQ ĐHĐCĐ số AGM-2015 ngày 09/04/2015;</li> <li>- CV chấp thuận phát hành số 7950/UBCK-QLPH ngày 24/12/2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 30/12/2015;</li> <li>- Giấy CN ĐKDN số 3600245631 (thay đổi lần 3) ngày 21/01/2016.</li> </ul>

*Nguồn: CTCP Thực phẩm Quốc tế.*



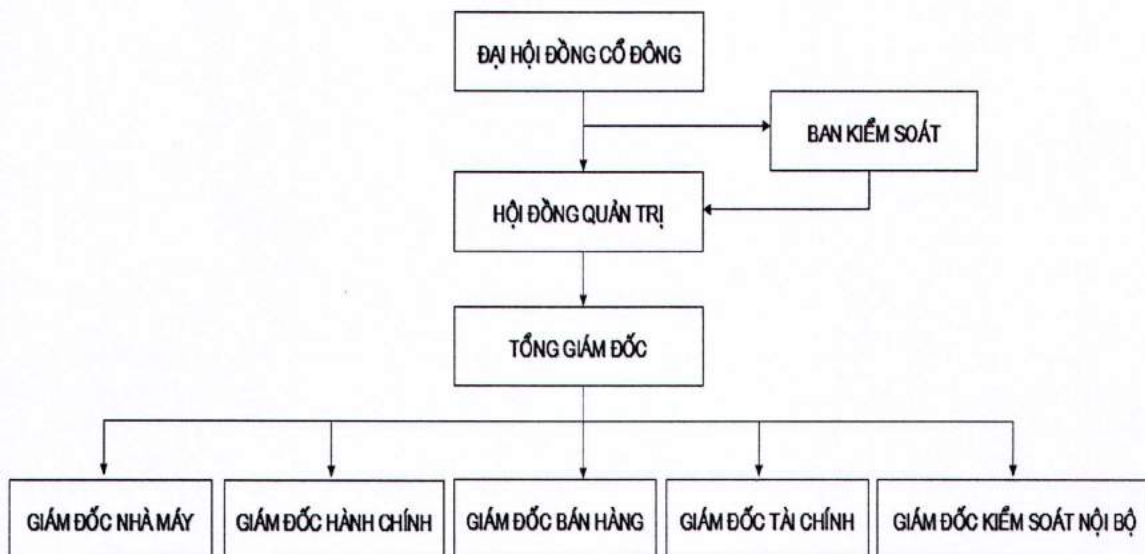


2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
<b>I CÔNG TY MẸ</b>			
1	Kirin Holdings Singapore Pte. Limited	1 Raffles Place, #21-03 One Raffles Place Tower 1, Singapore 048616	95,66%
<b>II CÔNG TY CON</b>			
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	90,40%
<b>III INTERFOOD</b>			
1	Trụ sở chính, Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	
2	Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	
3	Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát tất cả các hoạt động của Công ty trong mọi lĩnh vực theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.4 Ban giám đốc

✦ Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

✦ Các Giám đốc nghiệp vụ

Các Giám đốc nghiệp vụ bao gồm: Giám đốc Nhà máy, Giám đốc Hành chính, Giám đốc Bán hàng, Giám đốc Kiểm soát nội bộ và Giám đốc Tài chính. Chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo chức năng quản lý, hỗ trợ đắc lực cho Tổng Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

#### 4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Interfood tại ngày 11/03/2016 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	754	533.272	0,61%
	- Tổ chức	19	15.184	0,59%
	- Cá nhân	735	518.088	0,02%
2	Cổ đông nước ngoài	91	86.607.712	99,39%
	- Tổ chức	5	86.398.969	99,15%
	- Cá nhân	86	208.743	0,24%
3	Cổ phiếu quỹ	-	8	0,00001%
@	Tổng cộng	845	87.140.992	100%

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Interfood do VSD cấp ngày 11/03/2016.*

#### 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Interfood tại ngày 11/03/2016 như sau:

Stt	Tên tổ chức	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ
1	Kirin Holdings Singapore Pte. Limited	1 Raffles Place, #21-03 One Raffles Place Tower 1, Singapore 048616	83.360.282	95,66%
@	Tổng cộng		83.360.282	95,66%

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Interfood do VSD cấp ngày 11/03/2016.*

#### 4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Không có.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của công ty đăng ký giao dịch, những Công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đăng ký giao dịch

**5.1 Công ty mẹ của CTCP Thực phẩm Quốc tế**

Tên Công ty:	<b>Kirin Holdings Singapore Pte. Limited</b>
Quốc tịch:	Singapore
Trụ sở chính:	1 Raffles Place, #21-03 One Raffles Place Tower 1, Singapore 048616.
Điện thoại:	(65) 6908 5078
Vốn điều lệ đăng ký:	11.600.000 SGD và 583.756.379,39 USD
Vốn điều lệ thực góp:	11.600.000 SGD và 583.756.379,39 USD
Vốn góp tại Interfood:	833.602.820.000 đồng (chiếm tỷ lệ 95,66% Vốn điều lệ của Interfood)
Số giấy phép ĐKDN:	201021873N
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất nước giải khát và sản phẩm sữa; bán lẻ nước giải khát.

**5.2 Công ty con của CTCP Thực phẩm Quốc tế**

Tên Công ty:	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA</b>
Trụ sở chính:	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại:	(061) 3511 138 - Fax: (061) 3513 269
Vốn điều lệ đăng ký:	81.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	81.000.000.000 đồng
Vốn Interfood góp tại AVA:	73.224.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 90,40% VDL của AVA)
Giấy Chứng nhận ĐKDN:	Số 3600563391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 19/07/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/11/2015.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất thực phẩm chế biến gồm chế biến nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết; bánh mứt, kẹo, thức ăn nhẹ các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm.

- 5.3 Công ty mà CTCP Thực phẩm Quốc tế đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Thực phẩm Quốc tế  
Không có



**6. Hoạt động kinh doanh****6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các loại nước uống và thực phẩm tại Việt Nam. Được sở hữu bởi tập đoàn KIRIN, một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm nước uống tại khu vực Châu Á, kể từ năm 2011, Interfood càng nâng cao vị thế của mình trong ngành.

Công ty có hai thương hiệu lớn là **WONDERFARM** và **KIRIN**. **WONDERFARM** là thương hiệu thức uống truyền thống Việt Nam với nhiều sản phẩm quen thuộc như: Trà Bí Dao, Nước Yến Ngân Nhĩ, Nước Me. **KIRIN** là thương hiệu Nhật Bản nổi tiếng mang đến cho khách hàng những sản phẩm sáng tạo mới như Ice+, Latte và Tea Break. Nhà máy Interfood tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chuyên phụ trách việc sản xuất các sản phẩm đóng lon với thương hiệu **WONDEFARM**, và nhà máy **KIRIN** tại tỉnh Bình Dương chuyên sản xuất các sản phẩm **WONDERFRAM** và **KIRIN** chai PET tiện dụng với dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng của Nhật Bản.

Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, Công ty đã không ngừng lớn mạnh và ngày càng chuyên nghiệp trong lĩnh vực nước giải khát và thực phẩm với các dòng sản phẩm chính:

- Dòng sản phẩm nước giải khát **WONDERFARM**: Trà bí đao, nước yến ngân nhĩ, nước có gas (sarsi) và các loại nước giải khát khác.
- Dòng sản phẩm nước giải khát **KIRIN**: Ice+, Lattle, trà xanh Nhật **KIRIN**, TeaBreak.
- Dòng sản phẩm bánh **WONDERFARM**: Bánh quy, bánh quế, bánh xốp, bánh mặn,...

Từ năm 2016, Công ty đã ngưng sản xuất và kinh doanh sản phẩm bánh nhằm tập trung phát triển các sản phẩm nước giải khát, mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

**6.1.1. Dòng sản phẩm nước giải khát **WONDERFARM**:**

Sản phẩm **WONDERFARM** là thức uống chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.

Hầu hết các sản phẩm WONDERFARM sử dụng trực tiếp nguồn nguyên liệu tươi, sơ chế và sản xuất trên dây chuyền khép kín tự động ngay tại nhà máy. Do đó bảo đảm giá trị dinh dưỡng và vị tươi ngon tự nhiên, đồng thời kiểm soát được tính an toàn cũng như xuất xứ của nguồn nguyên liệu.

Một số sản phẩm nước giải khát thương hiệu WONDERFARM:



### 6.1.2. Dòng sản phẩm nước giải khát KIRIN:

Các dòng sản phẩm mang thương hiệu KIRIN bao gồm:

- **Ice+:** dòng sản phẩm Nước trái cây được sản xuất với công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic.
- **Lattle:** thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa với vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng.
- **Trà xanh Nhật:** dùng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất.
- **Tea Break:** là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chat nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà.

Một số hình ảnh về sản phẩm thương hiệu KIRIN:





## 6.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

### ❖ Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		6T.2016	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
DTT từ nước giải khát	997.122.245	86,75	1.118.791.849	87,39	503.553.251	86,45
DTT từ bánh	22.107.738	1,92	10.219.631	0,80	537.949	0,09
DTT từ sản phẩm khác	127.981.244	11,13	149.045.613	11,64	77.725.254	13,34
DTT từ bán phế liệu	2.245.948	0,20	2.126.612	0,17	639.585	0,11
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.149.457.175</b>	<b>100</b>	<b>1.280.183.705</b>	<b>100</b>	<b>582.456.039</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.

### ❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		6T.2016	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
LN gộp từ nước giải khát	242.781.598	21,12	273.502.558	21,36	127.659.704	21,92
LN gộp từ bánh	(3.663.852)	(0,32)	(4.556.160)	(0,36)	(1.040.090)	(0,18)
LN gộp từ các sp khác	18.774.596	1,63	67.346.706	5,26	50.601.296	8,69
LN gộp từ bán phế liệu	2.245.948	0,20	2.126.612	0,17	639.585	0,11
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.138.290</b>	<b>22,63</b>	<b>338.419.716</b>	<b>26,44</b>	<b>177.860.495</b>	<b>30,54</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.

## 6.3. Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Interfood cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty đã tiến hành xây dựng mới, cải tiến giao diện website của Công ty tại địa chỉ: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com) để làm cổng thông tin giao tiếp với khách hàng, cập nhật các thông tin dịch vụ giúp cho khách hàng có thể nắm được các dịch vụ của Công ty, đồng thời giúp Công ty giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty với các đối tượng khách hàng tiềm năng.



#### 6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty (WONDERFARM) đã được đăng ký với Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học – Công nghệ. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các sản phẩm với nhãn hiệu KIRIN do Công ty mẹ nhượng quyền.



## KIRIN

#### 6.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV Phạm Anh	Phân phối nước giải khát	Hợp đồng nguyên tắc, giá trị hợp đồng (giá trị thanh toán) tùy thuộc số lượng sản phẩm/dịch vụ thực tế phát sinh.
2	CTCP Thương nghiệp Cà Mau		
3	Công ty TNHH TM Vận tải Hoa Hưng		
4	Công ty Tư nhân Thương Mại Minh Chiêu		
5	Công ty TNHH Oanh Sơn		

#### 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014, 2015 và 6 tháng 2016

##### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014, năm 2015 và 6 tháng năm 2016

##### ✦ Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Interfood và công ty con

Đơn vị tính: Ngân đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% +/-	6T.2016
1	Tổng giá trị tài sản	664.011.912	674.633.768	1,60	647.694.231
2	Vốn chủ sở hữu	101.286.444	165.078.863	62,98	172.735.327
3	Doanh thu thuần	1.149.457.175	1.280.183.705	11,37	582.456.039
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(180.844.208)	(89.323.207)	-	30.276.857
5	Lợi nhuận khác	4.389.530	(3.765.082)	(185,77)	(23.035.506)
6	Lợi nhuận trước thuế	(176.454.678)	(93.088.289)	-	7.241.351
7	Lợi nhuận sau thuế	(176.414.444)	(96.207.581)	-	7.656.464
-	<i>LNST của cổ đông Công ty</i>	<i>(176.905.671)</i>	<i>(96.687.115)</i>	-	<i>7.599.632</i>
-	<i>LNST của cổ đông thiểu số</i>	<i>491.227</i>	<i>479.534</i>	<i>(2,38)</i>	<i>56.832</i>
8	Giá trị sổ sách (đồng/cp)	1.374	1.848	34,50	1.936
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.



↓ Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Interfood

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% +/-	6T.2016
1	Tổng giá trị tài sản	714.014.486	720.348.243	0,89	694.995.781
2	Vốn chủ sở hữu	160.060.710	218.857.987	36,73	225.922.453
3	Doanh thu thuần	1.149.432.448	1.280.158.978	11,37	582.456.039
4	Lợi nhuận từ HĐKD	(188.277.033)	(96.890.984)	-	27.789.331
5	Lợi nhuận khác	6.745.646	(1.584.068)	(123,48)	(20.724.865)
6	Lợi nhuận trước thuế	(181.531.387)	(98.475.052)	-	7.064.466
7	Lợi nhuận sau thuế	(181.531.387)	(101.202.723)	-	7.064.466
8	Giá trị sổ sách (đồng/cp)	2.250	2.512	11,63	2.593
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015 và BCTC riêng soát xét 6 tháng 2016 của

CTCP Thực phẩm Quốc tế.

Năm 2014, Interfood đã mở rộng thêm các điểm bán hàng trên toàn quốc, đưa thêm các sản phẩm mới ra thị trường, triển khai thêm nhiều chương trình bán hàng, hỗ trợ đặc biệt cho khách hàng và đội ngũ nhân viên bán hàng để thu hút thêm số lượng người tiêu dùng. Chính những lý do này đã thúc đẩy doanh thu thuần năm 2014 đạt hơn 1.149 tỷ đồng, tăng gần 16% so với năm 2013. Tuy nhiên, kết quả này chỉ mới chiếm 90% so với kế hoạch đề ra do tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu cho những sản phẩm giải khát và sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ trong ngành.

Lợi nhuận gộp năm 2014 của Công ty đạt 260 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần là 22,6%. Trong năm 2014, Công ty đẩy mạnh nhiều chương trình chiết khấu đặc biệt, chương trình khuyến mãi, thưởng doanh số cho các nhà phân phối và đội ngũ bán hàng nhằm mở rộng thị phần đưa chi phí bán hàng năm 2014 lên mức 393 tỷ đồng (chiếm 34,2% doanh thu thuần năm 2014). Đây là nguyên nhân chính khiến hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ 180 tỷ đồng.

Sang năm 2015, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao Wonderfarm cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng Kirin. Kết quả là tổng doanh thu năm 2015 đạt mục tiêu năm với 1.318 tỷ đồng và doanh thu thuần là 1.280 tỷ đồng.



Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện triệt để các chính sách tiết giảm chi phí sản xuất tại Nhà máy cũng như sử dụng hiệu quả chi phí kinh doanh và tiếp thị, do đó đã góp phần giảm tỷ trọng trên doanh thu thuần của giá vốn hàng bán xuống còn 73,6% so với 77,4% năm 2014 và chi phí bán hàng giảm còn 28,1% so với 34,2% năm 2014. Lỗ từ hoạt động kinh doanh là 89 tỷ đồng, cải thiện nhiều so với kết quả cùng kỳ năm 2014.

Riêng 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 582 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bắt đầu có tín hiệu khả quan với giá trị lần lượt là 178 tỷ đồng và 30 tỷ đồng.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### ⚡ Thuận lợi:

- Thị trường đồ uống toàn cầu luôn duy trì sự phát triển tích cực và có nhiều tiềm năng chưa được khai thác hiệu quả. Trong đó, thị trường nước giải khát vẫn trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, nước có ga vẫn chiếm ưu thế, tuy nhiên xu hướng tiêu thụ đang dịch chuyển về thức uống có lợi cho sức khỏe như nước đóng chai và nước ép hoa quả.
- Tại thị trường Việt Nam, Chính sách đổi mới của Nhà nước và là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do trên thế giới; Nền kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu và mức sống của người dân được nâng cao; Kênh thương mại hiện đại đang được chú trọng và đầu tư FDI phát triển mạnh. Do đó, thị trường Đồ uống Việt Nam đã từng bước đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng; thay thế một phần hàng hóa nhập khẩu và tham gia xuất khẩu, trong đó Bia và Nước Giải Khát vẫn chiếm ưu thế, Rượu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn ngành.
- Thị trường nước giải khát Việt Nam có quy mô lớn, tốc độ tăng trưởng cao, từng bước đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước do có lợi thế về nguồn cung nội địa như trữ lượng nước khoáng dồi dào, nhiều loại trái cây đa dạng và chất lượng tốt, trong đó Trà uống liền, Nước đóng chai và Nước có ga chiếm tỷ trọng về sản lượng tiêu thụ lớn nhất. Phần lớn các sản phẩm nước giải khát phân phối qua kênh cửa hàng đang hiệu quả hơn và được tin dùng hơn kênh tiêu dùng tại chỗ.

### ⚡ Khó khăn:

- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực nước giải khát rất lớn do có rất nhiều dòng sản phẩm trên thị trường, các công ty hiện hữu và nhiều công ty mới gia nhập thị trường.
- Mức độ tập trung trong ngành cao, Coca Cola và Pepsi chiếm gần 80% thị phần nước giải khát có ga, trong khi thị trường nước uống không ga do Tân Hiệp Phát dẫn đầu.
- Giá cả nhiên liệu và một số yếu tố đầu vào diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới công tác dự báo, lên kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

✚ Hệ thống phân phối và thị trường

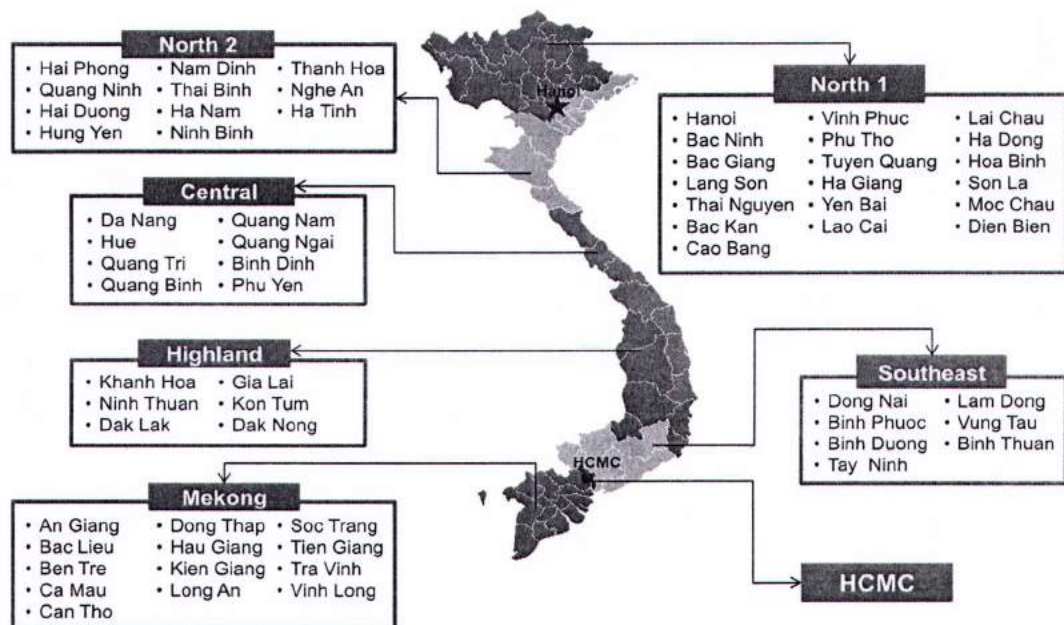
- Thị trường trong nước:

Doanh thu từ thị trường trong nước chiếm khoảng 97% tổng doanh thu của Công ty và được xem là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh. Hệ thống phân phối của Interfood bao phủ toàn bộ 64 tỉnh thành với 167 đại lý phân phối, 110.000 điểm bán lẻ và có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị ở Việt Nam.

- Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu từ thị trường xuất khẩu chiếm 3% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính là các nước châu Âu, châu Á, châu Úc và Mỹ.

- Hệ thống phân phối trong nước



✚ Vị thế của công ty trên thị trường và các đối thủ cạnh tranh

- Trên thị trường nước giải khát Việt Nam, Tân Hiệp Phát, URC, Unipresident, Tribeco là những đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Interfood và đồng thời là những công ty hàng đầu trong thị trường nước uống. Coca Cola và Pepsi chiếm gần 80% thị phần của thị trường nước ngọt có ga trong khi ở thị trường nước uống không ga, Tân Hiệp Phát là công ty dẫn đầu với sản phẩm thành công nhất là trà đóng chai. Interfood nằm ở trong топ thứ 2, tuy nhiên, Interfood cũng góp mặt trên thị trường nước giải khát không ga với các sản phẩm mang thương hiệu WONDERFARM và KIRIN, nổi tiếng với những loại thức uống đặc trưng châu Á như Trà Bí Dao Wonderfarm có mặt trên thị trường từ năm 1996.

- Hiện nay, thị phần của Interfood là khoảng 3%. Công ty đặt mục tiêu ở mức 8% thị phần trong 5 năm sắp tới thông qua nhiều chương trình tiếp cận khách hàng với các sản phẩm mang đến "Sức khỏe và Hạnh phúc" cho người tiêu dùng.



## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo tổ chức nghiên cứu Business Monitor International (BMI), tăng trưởng doanh thu ngành thực phẩm - đồ uống trong 2 năm 2014 và 2015 lần lượt là 14,7% và 14,3%, và dự báo mức tăng trưởng kép (CAGR) trong giai đoạn 2016-2019 có thể đạt 16,1%. Đến năm 2020, Việt Nam được đánh giá là nước có tăng trưởng tiêu dùng thực phẩm – đồ uống cao thứ 3 trong nhóm các nước châu Á được khảo sát.

Tiềm năng của ngành thực phẩm – đồ uống được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố tích cực như:

- Dân số đông (gần 100 triệu người) với tốc độ tăng bình quân 1,2%/năm;
- Cơ cấu dân số trẻ (68% hay 60,7 triệu người dưới 40 tuổi);
- Tỷ lệ đô thị hóa cao, đạt 35,7% năm 2015;
- Thu nhập bình quân đầu người tăng cao, đạt 17,7% giai đoạn 2008-2014;
- Mạng lưới bán lẻ dày đặc khuyến khích người dân mua hàng.

Trong đó, các tiểu ngành về lĩnh vực đồ uống chủ yếu được tiêu thụ nội địa và có những tiềm năng như sau:

- Ngành Sữa: đã chứng kiến tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2010-2015 khi sản xuất tăng bình quân 20,2%/năm, tiêu thụ tăng 16,9%/năm. Tiềm năng tăng trưởng của ngành vẫn rất lớn bởi tiêu thụ sữa bình quân đầu người nước ta mới đạt 18 lít/người/năm, rất thấp so với mức bình quân trên thế giới là 103,4 lít; xu hướng tăng sử dụng sữa như một loại thực phẩm tăng cường sức khỏe...
- Ngành Đồ uống có cồn: ghi nhận tăng trưởng CAGR giai đoạn 2010-2015 đạt 14,1% và dự báo sẽ tiếp tục tăng 10,4% trong giai đoạn 2015-2019. Sức hấp dẫn của ngành đến từ việc dịch chuyển từ phân khúc bia thấp và trung cấp sang phân khúc bia cao cấp khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên.
- Ngành Đồ uống không cồn: có tăng trưởng ổn định (5,7% năm 2015 và 8,9%/năm giai đoạn 2016-2019) nhưng tốc độ tăng cao hơn nhiều nước phát triển khác nên thu hút nhiều thương hiệu lớn (Pepsi Co, Coca Cola,...) và dự án mở rộng công suất của các doanh nghiệp trong nước.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 30/6/2016

Yếu tố	Số lượng (người)	Cơ cấu
Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	718	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		
+ Cao học:	6	0,84%
+ Đại học:	130	18,11%
+ Cao đẳng, trung cấp:	235	32,73%
+ Công nhân nghề và Lao động phổ thông:	347	48,33%

Nguồn: Interfood



## 9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

### ✚ Chính sách nhân sự chung:

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

### ✚ Chính sách lương thưởng:

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 8.365.500 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

### ✚ Chính sách phúc lợi đối với người lao động:

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

## 10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông trong năm 2014 và 2015 do lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong năm 2014 và 2015.

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa	30 năm
Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

#### 11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

#### 11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2014, ngày 31/12/2015 và ngày 30/06/2016 như sau:

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Thuế giá trị gia tăng	5.448.172	10.221.365	3.515.017
2	Thuế thu nhập cá nhân	311.156	219.468	261.161
3	Các loại thuế khác	80.817	3.649	3
4	Thuế thu nhập hoãn lại	3.778.777	4.170.398	3.755.285
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.618.922</b>	<b>14.614.880</b>	<b>7.531.466</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.*



#### 11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ Công ty và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2014, 31/12/2015 và 30/06/2016 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Quỹ khác thuộc VCSH	57.498.796	57.498.796	57.498.796
-	Quỹ khác thuộc VCSH (i)	(32.535.252)	(32.535.252)	(32.535.252)
-	Quỹ khác (ii)	90.034.048	90.034.048	90.034.048
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.498.796</b>	<b>57.498.796</b>	<b>57.498.796</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.

- (i) Trong năm 2007, Công ty đã mua lại 90,4% vốn cổ phần của Avafood trong một giao dịch hợp nhất kinh doanh có liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung. Khoản này phản ánh chênh lệch giữa tổng thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của Avafood được phân bổ cho Tập đoàn tại ngày mua.
- (ii) Vào ngày 01/01/2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ ("USD") sang Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31/12/2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được trình bày trong quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

#### 11.1.5. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2014, 31/12/2015 và 30/06/2016 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Vay ngắn hạn (*)	245.870.000	180.320.000	323.930.000
2	Vay dài hạn (*)	138.970.000	146.510.000	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>384.840.000</b>	<b>326.830.000</b>	<b>323.930.000</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.



(\*) Khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Interfood là từ Kirin Holdings Company, Limited. để bổ sung vốn hoạt động của công ty và công ty con.

#### 11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

##### - Các khoản phải thu

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

Stt	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>42.521.295</b>	<b>26.263.656</b>	<b>23.359.948</b>
1	Phải thu khách hàng	36.547.087	22.218.569	17.696.962
2	Trả trước cho người bán	6.948.340	5.543.647	7.149.558
3	Các khoản phải thu khác	1.071.336	797.532	809.520
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(2.045.468)	(2.296.092)	(2.296.092)
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>1.561.502</b>	<b>1.575.362</b>	<b>1.575.362</b>
1	Các khoản phải thu khác	1.561.502	1.575.362	1.575.362

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.*

##### - Các khoản phải trả

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

Stt	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>416.900.346</b>	<b>356.330.596</b>	<b>467.564.756</b>
1	Vay ngắn hạn	245.870.000	180.320.000	323.930.000
2	Phải trả người bán	97.422.844	73.591.149	86.007.950
3	Người mua trả tiền trước	3.316.859	3.116.598	4.626.724
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	5.840.145	10.444.482	3.776.181
5	Phải trả người lao động	10.167.951	10.591.749	9.306.486
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	53.415.552	76.511.785	38.844.667
7	Phải trả ngắn hạn khác	866.995	1.754.833	1.072.748
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>145.825.122</b>	<b>153.224.309</b>	<b>7.394.148</b>
1	Vay dài hạn	138.970.000	146.510.000	0
2	Thuế thu nhập hoãn lại	3.778.777	4.170.398	3.755.285
3	Dự phòng phải trả dài hạn	3.076.345	2.543.911	3.638.863

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.*

#### 11.1.7. Khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Không có.



## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,38	0,56
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	84,75	75,53
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	555,58	308,67
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,96	5,19
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,73	1,91
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	(15,35)	(7,52)
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	(174,17)	(72,24)
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	(26,57)	(14,37)
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	(15,73)	(6,98)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.

## 12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>I.</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>609.272.533</b>	<b>246.168.681</b>	<b>40,40</b>
1.	Nhà cửa	117.128.132	85.105.588	72,66
2.	Máy móc thiết bị	478.364.593	157.358.398	32,90
4.	Phương tiện vận chuyển	7.975.146	2.048.738	25,69
5.	Thiết bị văn phòng	5.804.662	1.655.957	28,53
<b>II.</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>12.913.118</b>	<b>9.761.169</b>	<b>75,59</b>
1.	Phần mềm vi tính	12.913.118	9.761.169	75,59
	<b>Tổng cộng</b>	<b>622.185.651</b>	<b>255.929.850</b>	<b>41,13</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.



Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.990.465</b>	<b>189.670</b>
- Thi công lắp đặt sàn thao tác	335.000	-
- Thi công hệ thống băng tải và máy rót thạch	263.000	-
- Hệ thống đường hơi, đường nước, hệ thống điện	1.147.456	-
- Lắp đặt khu vực nấu bí và cốt bí	199.169	-
- Hạng mục khác	45.840	189.670

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.*

### 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

#### 13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2016 và năm 2017

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Interfood đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2016 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016	
		Kế hoạch	% (+/-) so với năm 2015
Vốn điều lệ	871.409.920	871.409.920	-
Doanh thu thuần	1.280.183.705	1.354.784.781	5,83%
Lợi nhuận sau thuế	(96.207.581)	(57.445.812)	-
Tỷ lệ LNST/DTT	(7,52%)	(4,24%)	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	(11,04%)	(6,59%)	-
Tỷ lệ cổ tức/năm	-	-	-

*Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của CTCP Thực phẩm Quốc tế.*

Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch hoạt động kinh doanh cho năm 2017.

#### 13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Trong năm 2016, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số và mở rộng thị trường nhằm cải thiện lợi nhuận kinh doanh cũng như tăng giá trị tài sản thương hiệu với các kế hoạch như sau:

- Tăng doanh số và mở rộng thị trường bằng cách mở rộng hệ thống phân phối, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh:



- + Thành lập bộ phận chuyên trách nhằm đẩy mạnh thực hiện duy trì và phát triển kênh bán hàng;
- + Điều chỉnh và triển khai thực hiện chính sách chiến lược đối với nhà phân phối và cơ chế quản lý các cửa hàng bán sỉ.
- Về chính sách chi phí, Công ty tiếp tục thực hiện giảm chi phí sản xuất tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh.
- Về chiến lược sản phẩm:
  - + Tập trung phát triển sản phẩm chủ lực (Trà Bí Dao Wonderfarm) cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng Kirin;
  - + Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm;
  - + Xây dựng chiến lược sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng;
  - + Phát triển hệ thống hỗ trợ thực hiện chiến lược thông qua chuỗi cung ứng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trong tương lai.

Hiện tại, Công ty không có kế hoạch tăng vốn trong tương lai.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đăng ký giao dịch  
Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Với mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong phân khúc “nước giải khát có nguồn gốc tự nhiên và sức khỏe” tới năm 2020 bằng việc cung cấp những sản phẩm nước giải khát hỗ trợ sức khỏe có nguồn gốc từ thiên nhiên, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dựa trên nhu cầu của người dùng và thiết lập cơ cấu hỗ trợ thực hiện mục tiêu chiến lược thông qua hệ thống chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao, sau đó tiếp tục mở rộng chiến lược thúc đẩy phát triển các sản phẩm Kirin.

Ngoài ra, việc tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Interfood luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và Tuân thủ (Compliance) cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR (Corporate Social Responsibility - Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp): Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.



## III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Toru Yamasaki	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2	Hajime Kobayashi	Thành viên HĐQT
3	Hirotsugu Otani	Thành viên HĐQT
4	Takayuki Morisawa	Thành viên HĐQT kiêm GD Hành chính
5	Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên HĐQT kiêm GD Kiểm soát Nội bộ

## 1.1. Ông TORU YAMASAKI - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Họ và tên: **TORU YAMASAKI**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 01/11/1965  
 Nơi sinh: Yamaguchi, Nhật Bản  
 Hộ chiếu: TH3366955  
 Quốc tịch: Nhật Bản  
 Địa chỉ thường trú: TP.HCM, Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

## Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 1989 – 2011	Phòng Marketing - Công ty Kirin Brewery Nhật Bản
+ 2011 - 2015	Giám đốc Tiếp thị - Công ty Kirin Holdings Singapore
+ 03/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT, TGD – Interfood.
+ 04/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH NGK Kirin Việt Nam

Chức vụ công tác tại Interfood: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

**1.2. Ông HAJIME KOBAYASHI – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **HAJIME KOBAYASHI**  
 Giới tính: **Nam**  
 Ngày tháng năm sinh: **05/07/1965**  
 Nơi sinh: **Nagano, Nhật Bản**  
 Hộ chiếu: **TH8783816**  
 Quốc tịch: **Nhật Bản**  
 Địa chỉ thường trú: **Kanagawa, Nhật Bản**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**  
 Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1989 – 2011	Phòng Kế hoạch Chiến lược – Công ty Kirin Holdings Nhật Bản
+ 2011 – 2012	Giám đốc Kế hoạch - Interfood
+ 2012 – nay	Phó Giám đốc Phòng Kế hoạch Chiến lược – Công ty Kirin Holdings Nhật Bản
+ 04/2015 - nay	Thành viên HĐQT – Interfood

Chức vụ công tác tại Interfood: **Thành viên HĐQT**

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó GD P.Kế hoạch Chiến lược – Kirin Holdings Nhật Bản**

Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.**

+ Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ**

+ Cá nhân sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.**

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: **Không có**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không có**

Thù lao và các khoản lợi ích khác: **Không có**

**1.3. Ông HIROTSUGU OTANI – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **HIROTSUGU OTANI**  
 Giới tính: **Nam**  
 Ngày tháng năm sinh: **16/09/1972**  
 Nơi sinh: **Nhật Bản**  
 Hộ chiếu: **TH2738913**  
 Quốc tịch: **Nhật Bản**



Địa chỉ thường trú: Tokyo, Nhật Bản  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1997 – 2011	Phòng Kế hoạch Chiến lược – Công ty Kirin Holdings Nhật Bản
+ 2011 – 2015	Phòng Kế hoạch – Công ty Kirin Holdings Singapore
+ 2015 - nay	Quản lý cấp cao Phòng Kế hoạch Chiến lược – Công ty Kirin Holdings Nhật Bản
+ 04/2015 - nay	Thành viên HĐQT – Interfood

Chức vụ công tác tại Interfood: Thành viên HĐQT  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Quản lý cấp cao P.Kế hoạch Chiến lược – Kirin Holdings Nhật Bản  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

**1.4. Ông TAKAYUKI MORISAWA - Thành viên HĐQT, Giám đốc Hành chính**

Họ và tên: TAKAYUKI MORISAWA  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 08/04/1975  
 Nơi sinh: Fukushima, Nhật Bản  
 Hộ chiếu: TK5209610  
 Quốc tịch: Nhật Bản  
 Địa chỉ thường trú: TP.HCM, Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1999 - 2011	Cán bộ điều hành P.Hành chính Nhân sự - Kirin Brewery Nhật Bản
+ 2011 - 2014	Giám đốc Hành chính Nhân sự - Kirin Holdings Singapore
+ 12/2013 – nay	Thành viên HĐQT – Interfood.
+ 09/2014 - nay	GĐ Hành chính – Interfood.



Chức vụ công tác tại Interfood:	Thành viên HĐQT, Giám đốc Hành chính
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

**1.5. Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Thành viên HĐQT, Giám đốc Kiểm soát Nội bộ**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN THỊ KIM LIÊN</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/06/1967
Nơi sinh:	Nam Định, Việt Nam
CMND:	271255441
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1990 – 1992	Thống Nhất Textile Factory – Kế toán
+ 1992 – 1994	Interfood – Chuyên viên Kế toán
+ 1995 – 2003	Interfood – Kế toán trưởng
+ 2003 – 2015	Interfood – GĐ Tài chính
+ 2015 – nay	Interfood – GĐ Kiểm soát nội bộ
+ 2005 – nay	Interfood – Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Interfood:	Thành viên HĐQT, Giám đốc Kiểm soát Nội bộ
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	12.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% Vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	12.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% Vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có



## 2. Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng BKS
2	Ông Koji Kodama	Thành viên BKS
3	Ông Yoichi Miki	Thành viên BKS

## 2.1. Bà Thái Thu Thảo – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **THÁI THU THẢO**  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 23/7/1966  
 Nơi sinh: Hồ Chí Minh  
 CMND: 021680536  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

## Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1989 – 1992	Phó Kế toán trưởng – Công ty Linh Xuân
+ 1992 – 1993	Kế toán trưởng - Lotus College
+ 1993 – 1997	Kế toán tổng hợp - Triumph International Vietnam Ltd.
+ 1998 – 2000	Kế toán trưởng, QLKD – Intraco - informatics Vietnam College
+ 2000 – 2003	Kế toán trưởng - Asphalt Distribution Company
+ 2003 – 2012	GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng – Saigon RDC Co., Ltd
+ 04/2012 - nay	Trưởng Ban kiểm soát – Interfood

Chức vụ công tác tại Interfood: Trưởng Ban kiểm soát  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

## 2.2. Ông KOJI KODAMA – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **KOJI KODAMA**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 30/03/1967

Nơi sinh: Nhật Bản  
 Passport: MU463365  
 Quốc tịch: Nhật Bản  
 Địa chỉ thường trú: Tokyo, Nhật Bản  
 Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1989 - nay	Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Kirin
+ 04/2016 - nay	Thành viên BKS – Interfood.

Chức vụ công tác tại Interfood: Thành viên BKS  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Kirin  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

**2.3. Ông YOICHI MIKI – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: YOICHI MIKI  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 22/04/1980  
 Nơi sinh: Nhật Bản  
 Passport: TZ0823920  
 Quốc tịch: Nhật Bản  
 Địa chỉ thường trú: Hà Nội, Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 2012 - 2015	Phó Trưởng chi nhánh Hà Nội – Interfood
+ 2015 - nay	Trưởng chi nhánh Hà Nội – Interfood
+ 04/2016 - nay	Thành viên BKS – Interfood

Chức vụ công tác tại Interfood: Thành viên BKS, Trưởng CN Hà Nội  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

2-6  
 NG T  
 PH  
 G KH  
 NG V  
 TP H



Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

**3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý**

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc (Xem Mục 1, HĐQT)
2	Ông Yoshihisa Fujiwara	Giám đốc Nhà máy
3	Ông Takayuki Morisawa	Giám đốc Hành chính (Xem Mục 4, HĐQT)
4	Ông Taiichiro Iizumi	Giám đốc Bán hàng
5	Ông Yutaka Ogami	Giám đốc Tài chính
6	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc Kiểm soát Nội bộ (Xem Mục 5, HĐQT)
7	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng

**3.1 Ông TORU YAMASAKI – Tổng Giám đốc:** Xem Mục 1, Hội đồng quản trị.

**3.2 Ông YOSHIHISA FUJIWARA – Giám đốc Nhà máy**

Họ và tên: **YOSHIHISA FUJIWARA**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 1967  
 Nơi sinh: Nhật Bản  
 Hộ chiếu: TR1350962  
 Quốc tịch: Nhật Bản  
 Địa chỉ thường trú: TP.HCM, Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1992 – 2014	Phòng Sản xuất – Công ty Kirin Brewery Nhật Bản
+ 03/2014 – nay	Giám đốc Nhà máy – Interfood.

Chức vụ công tác tại Interfood: Giám đốc Nhà máy  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
 Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ  
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.  
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

**3.3 Ông TAKAYUKI MORISAWA – Giám đốc Hành Chính:** Xem Mục 4, Hội đồng quản trị.

**3.4 Ông TAIICHIRO IIZUMI – Giám đốc Bán hàng:**

Họ và tên: **TAIICHIRO IIZUMI**  
 Giới tính: **Nam**  
 Ngày tháng năm sinh: **1969**  
 Nơi sinh: **Nhật Bản**  
 Hộ chiếu: **TK1284537**  
 Quốc tịch: **Nhật Bản**  
 Địa chỉ thường trú: **TP.HCM, Việt Nam**  
 Trình độ chuyên môn: **Đại học**

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1992 - 2013	Phòng Kinh doanh – Công ty Kirin Brewery Nhật Bản
+ 2013 – nay	Giám đốc Bán hàng – Interfood.

Chức vụ công tác tại Interfood: **Giám đốc Bán hàng**  
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**  
 Số CP nắm giữ: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.**  
     + Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ**  
     + Cá nhân sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.**  
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: **Không có**  
 Những khoản nợ đối với Công ty: **Không có**  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác: **Không có**

**3.5 Ông YUTAKA OGAMI – Giám đốc Tài chính:**

Họ và tên: **YUTAKA OGAMI**  
 Giới tính: **Nam**  
 Ngày tháng năm sinh: **1973**  
 Nơi sinh: **Nhật Bản**  
 Hộ chiếu: **TH5379976**  
 Quốc tịch: **Nhật Bản**  
 Địa chỉ thường trú: **TP.HCM, Việt Nam**  
 Trình độ chuyên môn: **Đại học**

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 1996 – 2013	Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Kirin Brewery Nhật Bản
+ 2013 – 2015	Kiểm soát Tài chính – Interfood.
+ 2015 - nay	Giám đốc Tài chính – Interfood.



Chức vụ công tác tại Interfood:	Giám đốc Tài chính
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

**3.6 Bà NGUYỄN THỊ KIM LIÊN – GD Kiểm soát Nội bộ:** Xem Mục 5, Hội đồng quản trị.

**3.7 Ông NGUYỄN HỒNG PHONG – Kế toán trưởng:**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN HỒNG PHONG</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1977
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Hộ chiếu:	272856660
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 01/2006 – 09/2009	Kế toán trưởng – CTCP Thực phẩm AVA.
+ 10/2009 – nay	Kế toán trưởng – Interfood.

Chức vụ công tác tại Interfood:	Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trong năm 2016, Interfood đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.
- Trong năm 2016, BKS sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc cũng như thực hiện các hoạt động giám sát thông qua bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và BGĐ.
- BKS sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.

IV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** BCTC riêng và hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất 6 tháng năm 2016 đã soát xét của Công ty.





TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



  
TORU YAMASAKI

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
NGUYỄN HIẾU

